

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2017/DSPT.

Ngày: 25-12-2017

V/v: T/c “Hợp đồng vay tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hoài Thanh.

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Thanh Trà và ông Võ Công Phương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thảo - Thư ký TAND tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Phương Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 28/2017/DSPT ngày 21 tháng 11 năm 2017 về tranh chấp “ Hợp đồng vay tài sản” do bản án dân sự sơ thẩm số 138/2017/DSST ngày 26/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Định bị kháng cáo:

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 33/2017/QĐPT ngày 01/12/2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị K. T, sinh năm 1972 (có mặt).

Trú tại: Thôn Đ, xã H, huyện H, tỉnh Bình Định.

2. *Bị đơn:* Bà Võ Thị T, sinh năm 1975 (có mặt).

Trú tại: Thôn Đ, xã H, huyện H, tỉnh Bình Định.

Người kháng cáo: Bị đơn Bà Võ Thị T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử nguyên đơn bà Phạm Thị K.T trình bày:

Bà Võ Thị T có mượn của bà số tiền cụ thể:

- Ngày 20/10/2015 mượn 60.000.000đ,
- Ngày 24/5/2016 mượn 55.000.000đ,
- Ngày 04/6/2016 mượn 36.000.000đ,
- Ngày 25/6/2016 mượn 26.000.000đ

Tổng số tiền bà T mượn của bà là 177.000.000 đồng. Bà T đã trả cho bà số tiền 33.000.000 đồng, hiện còn nợ 144.000.000đ. Bà đã nhiều lần yêu cầu bà T trả số nợ, nhưng bà T không trả. Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà T phải có nghĩa vụ trả cho bà số tiền gốc còn nợ 144.000.000đồng, số tiền lãi bà không yêu cầu.

Tại bản khai và trong quá trình xét xử bị đơn bà Võ Thị T trình bày:

Bà là hàng xóm của bà Phạm Thị K.T, bà có tham gia chơi hụi với bà T và có viết giấy mượn tiền của bà T nhiều lần với tổng số tiền là 177.000.000 đồng. Khi trả nợ, vì tin tưởng nên bà đã không yêu cầu bà T viết giấy trả nợ. Bà hốt hụi để tham gia chương trình trên mạng và giao số tiền hụi đã nhận cho bà T. Nay bà T yêu cầu bà trả 144.000.000 đồng, bà không đồng ý. Tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm, bà chấp nhận còn nợ bà T số tiền 110.000.000 đồng.

Bản án dân sự sơ thẩm số: 138/2017/DSST ngày 26/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Định đã quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, các điều 463, 470 của Bộ luật dân sự 2015; Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị K.T. Buộc bà Võ Thị T trả cho bà Phạm Thị K.T số tiền 144.000.000 đồng (*Một trăm bốn mươi bốn triệu đồng*).

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 09/10/2017, bị đơn bà Võ Thị T kháng cáo yêu cầu sửa bản án sơ thẩm số 138/2017/DSST ngày 26/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định phát biểu đề nghị: Bác đơn kháng cáo của bị đơn bà Võ Thị T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét nội dung kháng cáo của bị đơn bà Võ Thị T, yêu cầu sửa bản án dân sự sơ thẩm, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2] Bà Phạm Thị K.T với bà Võ Thị T có quan hệ vay mượn tiền. Bà T cho bà T mượn số tiền 177.000.000đồng, thể hiện tại 04 giấy mượn tiền: Ngày 20/10/2015 mượn 60.000.000đồng; Ngày 24/5/2016 mượn 55.000.000đồng; Ngày 04/6/2016 mượn 36.000.000đồng; Ngày 25/6/2016 mượn 26.000.000đồng. Việc mượn tiền giữa các bên được bà Thẻ thừa nhận. Bà T đã trả cho bà T số tiền 33.000.000đồng, hiện còn nợ bà T số tiền 144.000.000đồng. Do đó, bà T khởi kiện yêu cầu bà T phải có nghĩa vụ trả cho bà 144.000.000đồng tiền gốc là có cơ sở.

[3] Án sơ thẩm đã căn cứ vào các giấy mượn tiền được xác lập giữa hai bên để buộc bà Thẻ trả cho bà T số tiền 144.000.000đồng là đúng quy định tại các điều 463, 470 của Bộ luật dân sự 2015.

[4] Việc bà T khai nại đã trả hết nợ cho bà T hoặc đã trả chỉ còn nợ 110.000.000đồng và xin trả dần số nợ, không được bà T chấp nhận. Hơn nữa, tại phiên tòa phúc thẩm bà T không cung cấp được chứng cứ để chứng minh cho lời khai của mình, nên HĐXX cấp phúc thẩm không có căn cứ để chấp nhận đơn kháng cáo của bà T, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm số 138/2017/DSST ngày 26/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện H.

[5] Ghi nhận sự tự nguyện của bà Thoa không yêu cầu bà T trả lãi suất trên số tiền yêu cầu.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[7] Về án phí: Căn cứ Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Do kháng cáo của bà Võ Thị T không được chấp nhận, nên bà T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm.

[8] Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa đề nghị không chấp nhận đơn kháng cáo của bà T giữ nguyên bản án sơ thẩm là phù hợp với nhận định của Tòa.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Các Điều 463, 470 của Bộ luật dân sự 2015; khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

1. Buộc bà Võ Thị T có nghĩa vụ trả cho bà Phạm Thị K.T số tiền 144.000.000 đồng (*Một trăm bốn mươi bốn triệu đồng*).

Kể từ ngày bà T có đơn yêu cầu thi hành án mà bà T chưa thi hành hoặc thi hành án chưa đầy đủ số tiền trên thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015 quy định, tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành án.

2. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Phạm Thị K.T không yêu cầu bà Võ Thị T trả tiền lãi.

3. Về án phí:

Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Võ Thị T phải chịu 300.000 đồng, nhưng được trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp theo biên lai thu số 0003603 ngày 09/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bình Định.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao;
- VKSND tỉnh Bình Định;
- Các đương sự;
- Cơ quan THADS huyện H;
- TAND huyện H;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Lê Thị Hoài Thanh

